

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 05/2010/NQ-HĐND

Nha Trang, ngày 21 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3524/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-BKTNS ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Ban kinh tế và ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh.

Tài sản nhà nước bao gồm: trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản nhà nước đã có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển giao quyền sở hữu cho tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, mua sắm tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm tài sản khác (trừ các loại tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này) từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý;

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản khác phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị trong nguồn kinh phí được giao trong dự toán.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi: trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản nhà nước (trừ các loại tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản nhà nước (trừ các loại tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển: trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản nhà nước (trừ

các loại tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước (trừ các loại tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản nhà nước (trừ các loại tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý: trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, xe ô tô các loại;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý: trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá trên sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/đơn vị tài sản; tài sản khác (trừ xe ô tô các loại) có nguyên giá trên sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định thanh lý: trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý: trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất; tài sản khác (trừ xe ô tô các loại) có nguyên giá trên sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý;

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản nhà nước (trừ trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô các loại) có nguyên giá trên sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán: trụ sở làm việc, tài sản

khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá trên sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản nhà nước (trừ các loại tài sản khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá trên sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản nhà nước (trừ các loại tài sản khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá trên sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện;

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán tài sản nhà nước (trừ các loại tài sản khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản; riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, thủ trưởng đơn vị quyết định dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước

1. Đối với tài sản bị tịch thu phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện theo các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy: cơ quan nào có thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm thì cơ quan đó ra quyết định tiêu hủy.

Điều 9. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IV, kỳ họp thứ 14 thông qua./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Trần An Khánh